

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2019

河内, 2019年 05 月14日

**PHƯƠNG ÁN**

**PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2019**

**2019 年增发注册资本方案**

(Kèm theo Tờ trình số 03/TT-HĐQT ngày 14 tháng 05 năm 2019)

(附加 2019 年 05 月 14 决议编号 《03/2019/QĐ-HĐQT. IVS》 )

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**发行机构基本信息**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**  
公司名称: **越南投资证券股份公司**
- Tên Tiếng Anh: **VIET NAM INVESTMENT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
英语名称 **VIET NAM INVESTMENT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **IVS**  
交易名称: **IVS**
- Trụ sở chính: **P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.**  
总部地址 **越南河内纸桥郡陈维兴路 117 号 Charmvit Tower 一楼 9-10 号**
- Điện thoại: **(024) 3573 0073** Fax/传真: **(024) 3573 0088**  
电话: **(024) 3573 0073**
- Website: **[www.ivs.vn](http://www.ivs.vn) / [www.ivs.com.vn](http://www.ivs.com.vn)**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: **69/UBCK – GPHĐKD** do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2007

营业执照编号《69/UBCK - GPHDKD》由越南证券委员会颁发于 2007 年 08 月 28 日

- Giấy phép điều chỉnh 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/01/2018.

更换营业执照编号《06/GPDC-UBCK》由越南证券委员会颁发于 2018 年 1 月 17 日

- **Vốn điều lệ:** 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng)  
**注册资本:** 340.000.000.000 越南盾 (大写: 叁仟肆佰亿盾)
- **Ngành nghề kinh doanh 经营业务:**
  - ✓ Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán  
证券经纪、证券托管
  - ✓ Tự doanh chứng khoán  
证券自营
  - ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán  
证券咨询投资
  - ✓ Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác được pháp luật cho phép.  
财政咨询和其他合法金融服务

## II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

### 股票发行方案

#### 1. Cơ sở pháp lý 法律基础

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;  
按照 2014 年 11 月 26 日 编号《68/2014/QH 13》企业法;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006;  
根据 2006 年 6 月 29 日编号《70/2006/QH 11》证券法;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;  
根据 2010 年 11 月 24 日编号《62/2010/QH 12》证券法有关于证券法的修改补充;
- Căn cứ theo Nghị định số 58/2012/NĐ - CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

根据 2012 年 7 月 20 日编号《58/2012/ND - CP》议定关于规定及指导实施证券法和变更的证券法的若干内容;

- Căn cứ theo Nghị định 60/2015/NĐ - CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

根据 2015 年 6 月 26 日编号《60/2015/ND - CP》议定关于规定及指导实施证券法和变更的证券法的若干内容;

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam và các quy định hiện hành;

根据越南投资证券股份公司章程及现行规定;

- Căn cứ vào vị thế, năng lực tài chính của công ty.

根据 公司地位和财务能力

## 2. Sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ: 增发注册资本的必要性:

- Hiện tại IVS xếp vào hàng những Công ty chứng khoán có vốn điều lệ nhỏ, rất khó khăn trong việc cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác trong việc triển khai các dịch vụ mới, đặc biệt là đầu tư tự doanh. Do đó việc IVS tăng vốn điều lệ lên 693.500.000.000 đồng là rất cần thiết để Công ty có thể đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

IVS 是小型证券公司，难以跟其他证券公司在新证券业务竞争，尤其是自营业务。为了提高市场竞争力，扩大投资经营，升级基础设施等，公司很有必要增加注册资本至 6935 亿盾。

- Việc tăng vốn điều lệ với sự tham gia của các đối tác chiến lược có kinh nghiệm kinh doanh, khả năng về tài chính sẽ giúp IVS tranh thủ được sự hỗ trợ về tài chính và kinh nghiệm quản lý thông qua đó phát triển khách hàng quốc tế, nâng cao uy tín, thương hiệu của IVS.

随着拥有业务经验，资本实力的战略合作伙伴的国内和外国投资者共同参与增资，将有助于 IVS 争取融资和管理经验的支持来开发外国客户，提高 IVS 公司品牌商誉。

## 3. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ / 定向增发方案:

### 3.1 Quy mô phát hành/ 发行规模

Tên cổ phiếu chào bán 股票名称 : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (越南投资证券股份公司股票)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

<b>股份种类</b>	普通股份
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
<b>面值</b>	每股 10.000 (壹万盾)
<b>Số lượng CP phát hành thêm</b>	: 35.350.000 ( Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi
<b>新增发股数</b>	ngàn) cổ phần 35.350.000 (叁仟伍佰叁拾伍万) 股份
<b>Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá</b>	: 353.500.000.000 (Ba trăm năm mươi ba tỷ, năm
<b>按照面值发行总价值</b>	trăm triệu) đồng 353.500.000.000 (叁仟伍佰叁拾伍亿) 盾
<b>Tổng số CP dự kiến sau phát hành</b>	: 69.350.000 cổ phần (Sáu mươi chín triệu ba trăm
<b>发行后总股数</b>	năm mươi nghìn) cổ phần 69.350.000 (陆仟玖佰叁拾伍万) 股份
<b>Giá chào bán</b>	: 10.800 đồng/ cổ phần
<b>发行价</b>	每股 10.800 盾
<b>Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành</b>	: 693.500.000.000 (Sáu trăm chín ba tỷ, năm trăm
<b>发行后注册资本</b>	triệu) đồng : 693.500.000.000 (陆仟玖佰叁拾伍亿) 盾
<b>Phương thức phân phối</b>	: Chào bán riêng lẻ/ 定向增发
<b>分配方式</b>	

### 3.2 Đối tượng chào bán 发行对象

Phát hành cho đối tác Guotai Junan International Holdings Limited - Quốc tịch: Hong Kong - Địa chỉ: 27/F Low BLK Grand Millennium Plaza 181 Queen's rd Central Hong Kong với số lượng 35.350.000 (Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn) cổ phần, tương đương với 50,97% vốn điều lệ của IVS sau khi phát hành.

发行给 Guotai Junan International Holdings Limited – 国籍：香港，地址：27/F Low BLK Grand Millennium Plaza 181 Queen's rd Central Hong Kong 数量为 35.350.000 IVS 股份（相当于 50,97%）IVS 注册资本。

### 3.3 Thời điểm phân phối: 分配时间

Trong năm 2019, ngay sau khi được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho Công ty được quyền chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

2019 年内，当证券委员会批准公司定向发行增资之日起。

### 3.3 Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược: 选择合作伙伴的标准

Là tổ chức nước ngoài có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm về lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư, công nghệ mà HĐQT xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động kinh doanh của Công ty để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong tương lai.

经董事会审批, 未来可以对公司运营情况做出贡献, 具有财政能力及金融、证券、投资、IT 经验的外国机构。

### 4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành/ 发行所筹集资金用途的计划:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành thêm cổ phần, số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là:  
 $35.350.000 \text{ cổ phần} * 10.800 \text{ đồng/cổ phần} = 381.780.000.000 \text{ đồng}$ .

Công ty sẽ sử dụng vào các mục đích cụ thể như sau:

增发股票完成后, 预计所募集的总金额为:

$35.350.000 \text{ 股份} * 10.800 \text{ 盾、股份} = 381.780.000.000 \text{ 盾}$

发行后所募集的资金用途具体如下:

DVT: đồng VN

单位: 越南盾

STT 序号	Hạng mục đầu tư 投资项目	Tổng mức đầu tư dự kiến 预计投资总金额
1	Sử dụng mở rộng hoạt động kinh doanh chứng khoán, cho vay ký quỹ, đầu tư tự doanh... 扩大公司业务 (融资、自营投资等业务)	341,78 tỷ đồng 3417,8 亿盾
2	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, mua hệ thống dữ liệu dùng cho hoạt động nghiên cứu phân tích. 继续投资升级信息技术系统, 给分析部分买证券数据库系统。	40 tỷ đồng 400 亿盾
<b>Tổng cộng/ 合计</b>		<b>381,78 tỷ đồng 3817,8 亿盾</b>

### 5. Hạn chế chuyển nhượng/ 限制转让:

Số cổ phần phát hành riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng **01** năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

战略合作伙伴认购定向发行股份发行完成之日起限制转让 **1** 年。

**6. Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung/ 证券登记及补充上市:**

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ theo phương án đã nêu sẽ được lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam và được niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội ngay sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định hiện hành.

发行成功后，上述新发行股份将按照现行规定在越南证券登记结算中心补充登记并在河内证交所补充上市。

**7. Nội dung ủy quyền cho HĐQT/ 授权总经理的内容:**

Ủy quyền toàn bộ cho HĐQT thực hiện các thủ tục tăng vốn, niêm yết bổ sung cổ phiếu, phương án sử dụng vốn sau phát hành và xử lý các vấn đề sau phát hành theo các quy định hiện hành, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và lợi ích của cổ đông.

同时全权授权董事会办理 增发有关手续、补充上市、发行后资金使用用途并按照现行规定处理发行后发生问题，确保公司和股东的利益。

**Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.**

敬致董事会决定。

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

代表董事会

**CHỦ TỊCH**

董事长

*(đã ký)*

**HAO DAN**

郝丹